

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN D
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2018.

“V/v: *Tranh chấp dân sự về chia
tài sản chung trong thời kỳ hôn
nhân*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN D**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Võ Thị Minh Nhựt**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng;**

2. Ông **Lê Đức Lam.**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Lê Thị Kim Ngân** - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đơn D.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn D tham gia phiên tòa:* bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp dân sự về yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST – DS giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thu C**, sinh năm: 1957;

Trú tại: số 11 Nguyễn Văn Trỗi, TDP L 1, thị trấn TM, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Trần Thế D**, sinh năm: 1958;

Trú tại: số 11 Nguyễn Văn Trỗi, TDP L 1, thị trấn TM, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị Thu C trình bày:

Nguyên trước năm 2006 bà và ông Trương Đắc Th là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2006 theo quyết định thuận tình ly hôn số 07/2006/TTLH ngày 28/4/2006 do Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết. Khi ly hôn, bà và ông Th thống nhất thỏa thuận tự phân chia căn nhà và đất tại số 11 Nguyễn Văn Trỗi – Thạnh Mỹ là tài sản chung giữa bà và ông Th có trong thời kỳ hôn nhân.

Theo thỏa thuận sau khi ly hôn bà nhận căn nhà và đất và thanh toán cho ông Th số tiền 55.000.000đ cùng một số tài sản là vật dụng sinh hoạt cá nhân. Đến năm 2007, bà kết hôn với ông Trần Thế D theo giấy chứng nhận kết hôn tại UBND thị trấn Thạnh Mỹ vào ngày 23/11/2007 và chung sống với ông Trần Thế D từ tháng 11/2007 cho đến nay tại căn nhà số 11 Nguyễn Văn Trỗi - Thạnh Mỹ. Trong thời gian chung sống giữa bà và ông D không cải tạo, sửa đổi nâng cấp nhà và diện tích đất, tài sản trước khi ly hôn với ông Th như thế nào thì hiện nay vẫn không thay đổi. Năm 2008, bà liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để cấp lại diện tích đất 200m2 đất thổ cư thuộc thửa đất 01 TĐĐ 05 QH ở Nghĩa Lập 1 – Thạnh Mỹ - Đơn D trên đất có căn nhà số 11 Nguyễn Văn Trỗi là tài sản riêng của bà có sau khi ly hôn với ông Trương Đắc Th và đã được UBND huyện Đơn D cấp quyền sử dụng đất theo giấy CNQSDĐ số AN 737386 ngày 01/10/2008. Hiện nay, bà muốn tặng cho toàn bộ tài sản là căn nhà và diện tích đất tại số 11 Nguyễn Văn Trỗi cho con gái riêng của bà với ông Trương Đắc Th là Trương Thùy Trang nhưng do diện tích đất trên bà đã đăng ký kê khai và cấp lại vào năm 2008, thời gian này bà và ông Trần Thế D là vợ chồng hợp pháp nên thủ tục tặng cho đòi hỏi phải có sự đồng ý của ông D. Bà đã nhiều lần thuyết phục ông D đến Văn phòng công chứng ký giấy tờ để tặng cho Trương Thùy Trang nhưng ông D không đồng ý. Vì vậy bà đề nghị Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông D và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận căn nhà và diện tích đất tại số 11 Nguyễn Văn Trỗi - Thạnh Mỹ là tài sản riêng của bà có trong thời kỳ hôn nhân với ông Trần Thế D. Ngoài yêu cầu trên, bà C không còn yêu cầu nào khác.

Ngày 29/01/2018, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định, đo đạc thực tế căn nhà số 11 Nguyễn Văn Trỗi – Nghĩa Lập 1 – Thạnh Mỹ cùng 200m2 đất thổ cư thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 05 QH thị trấn Thạnh Mỹ. Kết quả đo vẽ ngày 13/3/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn D xác định thửa đất 200m2 nêu trên nay thuộc thửa 132 tờ bản đồ 18 thị trấn Thạnh Mỹ huyện Đơn D đo năm 2007.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Thế D nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do; vì vậy Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn không chấp hành việc thực hiện quyền và nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo giấy báo của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu C về việc yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Trần Thế D; Đề nghị Tòa án xác định căn nhà số 11 Nguyễn Văn Trỗi – TDP Nghĩa Lập 1 cùng 200m2 đất thổ cư thuộc thửa 132 tờ bản đồ 18 thị trấn Thạnh Mỹ là tài sản riêng của bà Phan Thị Thu C.

- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị Thu C.

- Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị Thu C phải chịu chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ diện tích đất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*” giữa nguyên đơn bà Phan Thị Thu C và bị đơn ông Trần Thế D quy định tại Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn D theo quy định tại Khoản 2 Điều 28, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bị đơn là ông Trần Thế D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ về việc tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 175, 177 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015. Vì vậy, theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho ông Trần Thế D là đủ.

[2]: Về áp dụng pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Bà C và ông D hiện nay là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thạnh Mỹ vào ngày 23/11/2007. Tài sản hình Th trong thời kỳ hôn nhân giữa bà C và ông D là quyền sử dụng diện tích đất 200m² đất thổ cư nay thuộc thửa đất 132 tờ bản đồ 18 thị trấn Thạnh Mỹ được UBND huyện Đơn D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị Thu C theo giấy chứng nhận số AN 737386 ngày 01/10/2008, trên diện tích đất có 01 căn nhà cấp 4b diện tích 46,2m² giá trị sử dụng còn lại của căn nhà là 50%. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện nguồn gốc căn nhà và diện tích đất nêu trên trước đây bà C được UBND huyện Đơn D giao đất ở theo Quyết định số 357/QĐ – UB ngày 09/8/1993, sau khi được giao đất ở bà và ông Trương Đắc Th xây dựng lên căn nhà số 11 Nguyễn Văn Trỗi – Nghĩa Lập 1, vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số 07/2006/TTLH ngày 28/4/2006. Khi ly hôn bà C và ông Th thỏa thuận giao cho bà C được sử dụng căn nhà và diện tích đất nêu trên, bà C thanh toán cho ông Th số tiền 55.000.000đ, bà C và ông Th đã thực hiện xong cam kết trên vào ngày 23/01/2007 (tại bút lục số 07 – 08). Năm 2008, bà C đã liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp lại quyền sử dụng diện tích đất nêu trên, thời gian này bà và ông Trần Thế D đã là vợ chồng hợp pháp tuy nhiên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện rõ quyền sử dụng diện tích đất ở và căn nhà nêu trên được cấp cho bà Phan Thị Thu C. Tại Điều 33 luật hôn nhân gia đình quy định về tài sản chung của vợ chồng quy định “.....*quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản*

chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”, Khoản 3 Điều 33 Luật hôn nhân gia đình cũng quy định “ *Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung*”. Từ căn cứ trên có thể xác định căn nhà và diện tích đất tại số 11 Nguyễn Văn Trỗi là tài sản riêng của bà Phan Thị Thu C có trước khi kết hôn với ông Trần Thế D phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn bà Phan Thị Thu C yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Trần Thế D và đề nghị Tòa án xác định căn nhà số 11 Nguyễn Văn Trỗi – TDP Nghĩa Lập 1 cùng 200m² đất thổ cư thuộc thửa 132 tờ bản đồ 18 thị trấn Thanh Mỹ là tài sản riêng của bà C là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về số tiền chi phí xem xét thẩm định, chi phí do vẽ: Bà Phan Thị Thu C thỏa thuận nhận chịu toàn bộ và không có tranh chấp gì nên không đề cập đến.

[4] Về án phí: bà Phan Thị Thu C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBNTVH. Ông Trần Thế D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 2 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 174, Điều 175, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 38, Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu C về yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Trần Thế D.

Xác định căn nhà số 11 Nguyễn Văn Trỗi - TDP Nghĩa Lập 1 cùng 200m² đất thổ cư theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 05 QH thị trấn Thanh Mỹ sau khi đo đạc chỉnh lý thuộc thửa 132 tờ bản đồ 18 thị trấn Thanh Mỹ là tài sản riêng của bà Phan Thị Thu C.

Bà Phan Thị Thu C được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai điều chỉnh biến động thửa đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBNTVH miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị Thu C. Bà Phan Thị Thu C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004779 ngày 21/12/2017 tại chi

cục thi hành án dân sự huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. Bị đơn ông Trần Thế D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trần Thế D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Minh Nhựt

**CÁC HỘI THẨM NHÂN
DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

PHÒNG ĐÌNH THUẬN